TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Trưng.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 15/6/19xx tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Tr và bà Nguyễn Thị Tr2; vợ: Nguyễn Thị Lệ Th2, sinh năm: 1992, con: 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Hoàng Th:* Ông Hà Vĩnh Ph - Luật sư Văn phòng Luật sư Vĩnh Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt;

Địa chỉ: Số 399, đường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

- *Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm T.

Địa chỉ: Số 313 N, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đỗ Thị Trà M, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Hẻm 968/71 Q, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Bích Tu, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn N, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Tổ 17, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt;

+ Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt;

+ Ông Huỳnh Minh D, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Số 66 N, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi - vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Lệ Th2, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

+ Anh Nguyễn Viết Th3, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt;

+ Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt;

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thị Ngọc C, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Thôn Điền An, xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi – có mặt;

+ Chị Lê Thị Bích H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tổ 8, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008 Nguyễn Hoàng Th được nhận vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm T *(Sau đây được viết tắt là Công ty T)* do ông Nguyễn Văn T là đại diện theo pháp luật, đảm nhiệm chức vụ nhân viên thị trường, đến năm 2017 do tiêu xài cá nhân nên làm thất thoát thâm nợ của Công ty T số tiền 500.000.000 đồng nhưng đã khắc phục một phần, hiện còn thiếu nợ Công ty T số tiền 223.943.240 đồng; sau đó, Nguyễn Hoàng Th được điều chuyển về công tác tại bộ phận kho của Công ty T, với chức năng "Quản lý kho hàng thùng, kiểm kê hàng hóa cuối tháng, quản lý hàng hóa trong kho hàng thùng (kho hàng sĩ), sắp xếp hàng hóa trong kho, dán tem mã vạch, cho hàng lên kho khi hàng hóa được nhập về, đi giao hàng theo chỉ đạo của thủ kho, làm việc dưới sự chỉ đạo của thủ kho". Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ tháng 3/2019 đến 12/2019 Nguyễn Hoàng Th đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Công ty T và bà Đỗ Thị Trà M - Thủ kho của Công ty T (là người trực tiếp quản lý tài sản) đã nhiều lần lén lút lấy trộm 46 mặt hàng thuốc tân dược (Ampicillin; Stugeron; Hydrocolacyl, Tiffy...) của Công ty T mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi trộm cắp tài sản nêu trên, Th đã thay đổi nguồn gốc sản phẩm nhằm che giấu, không để người mua biết hàng hóa đó do Th trộm cắp của Công ty T mà có. Th đã bán cho bà Nguyễn Thị Bích Tu (Quầy thuốc Quý Tu), Nguyễn N, Nguyễn Văn Ch, Huỳnh Minh D và một số người khác (không xác định được tên, địa chỉ cụ thể). Tổng cộng những mặt hàng Th trộm cắp được trị giá 756.875.218 đồng, số tiền trộm cắp được Th đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Để tránh sự phát hiện, định kỳ các đợt kiểm tra hàng tháng Th đã tự ý kiểm tra hàng tại khu vực mình quản lý, tự thống kê, nhập đủ số lượng hàng hóa mà Th đã trộm cắp trước đó vào hệ thống quản lý của Công ty T nhưng trên thực tế số lượng hàng hóa đó không có đủ trong kho.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng Th đã nhiều lần mượn hàng ở trong kho thông qua thủ kho là bà Đỗ Thị Trà M ra ngoài bán lấy tiền nhưng không lập chứng từ sổ sách để nhập dữ liệu quản lý của Công ty T theo quy định và không trả tiền hàng cho M để thanh toán cho Công ty. Việc Th mượn hàng của Công ty T thông qua M, không xuất hóa đơn chứng từ xuất kho theo quy định, nhưng M có ghi chép vào sổ tay của M để tự theo dõi, sổ ghi chép thể hiện số lượng thuốc Th mượn của M nhiều mặt hàng (Marvelon, Stugeran, Ampicillin...) trị giá 257.012.637 đồng. Những mặt hàng Th mượn của M, Th đã bán và lấy tiền tiêu xài cá nhân không hoàn trả cho M.

Đối với mặt hàng thực phẩm chức năng (sữa, nước yến) Th là một đại lý chịu trách nhiệm quản lý mua hàng sữa, nước yến của Công ty T, sau đó Th được quyền mang đi bán và phân phối lại trên nhiều địa bàn. Hiện Th còn thiếu nợ tiền sữa, nước yến chưa thanh toán cho Công ty là 130.761.516 đồng.

Ngoài ra, từ tháng 01/2018 đến 30/6/2019, Công ty T có chương trình khuyến mãi cho khách hàng như "Mua 04 thùng (48 lon sữa SURE OMEGA), quý

khách sẽ nhận 01 chỉ vàng 9999", từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2019, chương trình trả thưởng thay đổi từ việc trả thưởng 01 chỉ vàng thì chuyển qua bằng 01 lon sữa (giá trị tương đương nhau). Th mua sữa của Công ty và tự bán cho nhiều đại lý, để kích cầu Th đã thay đổi chương trình trả thưởng bằng sữa sang trả thưởng bằng vàng như chương trình cũ để khách hàng mua sữa từ Th. Khi Th mua đủ số lượng khuyến mãi theo chương trình của Công ty thì Công ty sẽ trả thưởng trực tiếp cho Th, còn việc trả thưởng cho các đại lý là do Th tự quyết định hình thức trả thưởng. Trong thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019, Th đã không trả thưởng cho 13 quầy thuốc với tổng cộng 19 chỉ vàng 9999; đối với số lượng 19 chỉ vàng này Công ty T đã khắc phục cho các quầy thuốc với tổng số tiền là 84.422.000 đồng.

Đối với Đỗ Thị Trà M: Năm 2011, bà M được nhận vào làm tại Công ty T, đảm nhiệm chức vụ là nhân viên kho, đến năm 2016 được bổ nhiệm lên chức vụ thủ kho, với chức năng "Được phân công kiểm kê hàng hóa cuối tháng, tổng hợp số liệu sau khi kiểm kê, rà soát hàng hóa còn tồn trong kho để lên kế hoạch đặt hàng; xuất hàng, kiểm tra kiểm soát tất cả các nguồn hàng đầu ra của công ty. Quản lý hàng hóa trong tất cả các kho, sắp xếp, bố trí nhân viên làm việc tại kho....", bà M có trách nhiệm quản lý hàng hóa trong kho không để xảy ra thất thoát, trường hợp nếu xảy ra thất thoát thì M phải chịu trách nhiệm khắc phục những mặt hàng bị thất thoát tại kho cho Công ty. Quá trình đảm nhiệm chức vụ Thủ kho, trong thời gian từ tháng 03/2019 đến 12/2019, Đỗ Thị Trà M tin tưởng Th, M đã tự ý cho Nguyễn Hoàng Th mượn một số mặt hàng thuốc tân dược và thực phẩm chức năng mang ra ngoài bán nhưng không lập chứng từ sổ sách theo quy trình của Công ty T dẫn đến việc công ty bị thất thoát số tiền 79.560.497 đồng, số tiền này M khai nhận không chiếm đoạt mà cho Th mượn nên Công ty T quy trách nhiệm cho M. Trước đó M còn thiếu nợ Công ty T số tiền 3.662.000 đồng. Ngoài ra, M tự ý cho Th mượn 16 mặt hàng thuốc tân dược với tổng trị giá 257.012.637 đồng. Ngày 28/02/2020 M đã nộp tiền những hóa đơn còn thiếu với tổng số tiền 50.131.997 đồng. Như vậy, M phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền 290.103.137 đồng.

(Bút lục các số 528 – 557; 558 - 569; 570 – 592; 593 - 514).

- Kết quả định giá tài sản:

+ Ngày 14/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi có yêu cầu định giá tài sản số 1271/CSHS, yêu cầu định giá tài sản 52 mặt hàng bị thất thoát do Công ty T tố cáo và trị giá mỗi chỉ vàng SJC 9999 tại thời điểm tháng 01/2020 (trong số 19 chỉ vàng Th không trả thưởng cho 13 quầy thuốc) là bao nhiêu? (Bút lục 48) Ngày 03/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự có Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS kết luận: Tổng cộng giá trị 52 mặt hàng là: 1.013.551.675 đồng; giá vàng SJC9999 tại thời điểm tháng 01/2020 là 4.338.000 đồng/01 chỉ. (Bút lục 49 – 50)

Bản cáo trạng số 371/CT-VKS ngày 25/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Hoàng Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Th từ 12 đến 13 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Về dân sự:

Ông Nguyễn Văn T - Đại diện cho Công ty T yêu cầu như sau:

+ Nguyễn Hoàng Th phải trả lại số tiền đã trộm cắp 46 mặt hàng của công ty với tổng giá trị là 756.875.218 đồng, đã khắc phục 10.000.000 đồng, nên còn phải có trách nhiệm tiếp tục khắc phục số tiền còn lại là: 746.875.218 đồng.

+ Ngoài ra, Th còn có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ dân sự khác như: Tiền sữa, nước yến chưa thanh toán cho công ty là 130.761.516 đồng; 19 chỉ vàng trị giá 84.422.000 đồng. Số tiền thiếu nợ từ năm 2017 đến nay chưa trả cho công ty là 223.943.240 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty là 439.126.756 đồng.

+ Đối với Đỗ Thị Trà M: Người trực tiếp có trách nhiệm quản lý tài sản dẫn đến việc thất thoát trong quản lý, M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 290.103.137 đồng.

Sau khi bị Công ty T phát hiện hành vi trộm cắp tài sản thì Nguyễn Hoàng Th đã tự nguyện khắc phục bằng cách chuyển nhượng cho công ty 01 thửa đất trị giá 380.000.000 đồng. Số tiền 380.000.000 đồng này, Th khắc phục vào khoản nợ tiền sữa, nước yến là 130.761.516 đồng, còn lại 249.238.484 đồng Th thanh toán vào số tiền mà Th mượn hàng của công ty thông qua Đỗ Thị Trà M trị giá 290.103.137 đồng, số tiền còn lại 40.864.653 đồng, trong giai đoạn truy tố bà M đã thanh toán xong cho Công ty T, đến nay Đỗ Thị Trà M không còn khoản nợ nào khác phải trả cho Công ty T, Đỗ Thị Trà M cũng không yêu cầu Nguyễn Hoàng Th phải có nghĩa vụ trả cho mình số tiền 40.864.653 đồng.

Do Đỗ Thị Trà M đã thực hiện xong nghĩa vụ phải trả cho Công ty T số tiền 290.103.137 đồng nên ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì đối với Đỗ Thị Trà M.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Th:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên, hành vi trộm cắp hàng của bị cáo chưa rõ ràng, cần định danh bị cáo tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" sẽ phù hợp hơn với tính chất,

hành vi phạm tội của bị cáo; bởi lẽ bị cáo làm nhân viên kho, người đi giao hàng nên lợi dụng sự tin tưởng của mọi người đã dần dần đưa hàng ra ngoài để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo khai nhận là rõ ràng, bị cáo cũng chỉ lợi dụng niềm tin để lấy hàng dần dần ra ngoài chứ không phải lấy một lúc mới dẫn đến giá trị hàng bị lấy lên đến 756.875.218 đồng. Sau khi phạm tội, bị cáo tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả cho bị hại và gia đình cũng đã mang một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nhà ông T để xin khắc phục thêm một phần hậu quả (nhưng ông T không nhận) thể hiện sự ăn năn, hối cải; bị cáo đã hợp tác tốt với cơ quan Điều tra để sớm kết thức vụ án. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc áp dụng điểm b,s,t khoản 1 Điều 51 BLHS. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề để bị cáo sớm trở về làm ăn, có cơ hội khắc phục hậu quả cho bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Sự việc xảy ra, bị cáo vô cùng ăn năn, hối cải và đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình tiếp tục dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng chưa được chú T đồng ý. Xin Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội về với vợ con, làm ăn trả nợ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, những người vắng mặt gồm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Bích Tu (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh Huỳnh Minh D; người làm chứng: Chị Lê Thị Bích H. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng Th:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận từ tháng 3/2019 đến 12/2019 Nguyễn Hoàng Th đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản là Công ty T và người trực tiếp quản lý tài sản là bà Đỗ Thị Trà M, nhiều lần lén lút lấy trộm 46 mặt hàng thuốc tân dược (Ampicillin; Stugeron; Hydrocolacyl, Tiffy...) của Công ty T mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi trộm cắp tài sản nêu trên, Th đã thay đổi nguồn gốc sản phẩm nhằm che giấu, không để người mua biết hàng hóa đó do Th trộm cắp mà có. Theo kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 12 năm 2020 và phụ lục kèm theo Biên bản họp của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, 46 mặt hàng tân dược mà Th trộm cắp trị giá 756.875.218 đồng, số tiền trộm cắp được Th đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Để tránh sự phát hiện, trong các đợt kiểm tra định kỳ hàng tháng Th đã tự ý kiểm tra hàng tại khu vực mình quản lý, tự thống kê, nhập đủ số lượng hàng hóa mà Th đã trộm cắp trước đó vào hệ thống quản lý của Công ty nhưng trên thực tế số lượng hàng hóa đó không có trong kho.

[2.2] Bị cáo Nguyễn Hoàng Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Th đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", giá trị tài sản trộm cắp là 756.875.218 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo đã vận động gia đình nộp tiền để bồi thường một phần thiệt hại; cha bị cáo là ông Nguyễn Thành Tr được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có điều kiện khắc phục hậu quả cho công ty. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu Nguyễn Hoàng Th phải trả lại giá trị tài sản trộm cắp là: 746.875.218 đồng, đã trừ: 10.000.000 đồng đã bồi thường trước đây.

Xét thấy trong giai đoạn điều tra gia đình bị cáo Nguyễn Hoàng Th đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nộp tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Yêu cầu của bị hại phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, vì vậy buộc bị cáo Th phải tiếp tục bồi thường cho Công ty T số tiền: 746.875.218 đồng.

Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của Công ty T về việc buộc bị cáo Th thanh toán các khoản: 130.761.516 đồng tiền sữa, nước yến chưa thanh toán; 84.422.000 đồng là giá trị 19 chỉ vàng công ty đã trả cho các đại lý thay cho bị cáo Th; tiền nợ bị cáo Th chưa trả cho công ty là 223.943.240 đồng. Đây là các khoản nợ dân sự, không phải là vấn đề phải giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp, Công ty T có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 của BLHS và đề nghị tuyên buộc bị cáo phải trả các khoản nợ dân sự giữa bị cáo và Công ty T trong cùng bản án là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về áp dụng hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu của Luật sư về phần tội danh áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 33.875.000 đồng (20.000.000 đồng + 346.875.218 đồng x 4%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Th: 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 29/9/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Th phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm T số tiền: 746.875.218 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm mười tám đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mà gia đình bị cáo Nguyễn Hoàng Th nộp khắc phục hậu quả tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản giữa Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi ngày 15/12/2020) để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a, điểm d khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 33.875.000 đồng (Ba mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Căn cứ Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Luu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Hùng